

Quản lý kinh tế trong phát triển du lịch tâm linh gắn với bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo

Nguyễn Thanh Hải

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Email: nhai35203@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết phân tích mối quan hệ giữa phát triển du lịch tâm linh và công tác bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo tại Việt Nam dưới góc nhìn quản lý kinh tế. Bằng phương pháp phân tích định tính kết hợp định lượng, số liệu từ Tổng cục Thống kê và các báo cáo thực tiễn cho thấy du lịch tâm linh tạo ra nguồn lực đáng kể cho công tác bảo tồn, song cũng đặt ra thách thức về quy hoạch, thương mại hóa di sản và quá tải hạ tầng. Bài viết đề xuất các giải pháp quản lý kinh tế nhằm hài hòa mục tiêu phát triển du lịch và gìn giữ giá trị kiến trúc tôn giáo trong bối cảnh kinh tế sáng tạo.

Nhận 07/05/2025

Được duyệt 10/08/2025

Công bố 30/09/2025

Từ khóa

Du lịch tâm linh, di sản kiến trúc tôn giáo, bảo tồn, quản lý kinh tế, phát triển bền vững.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

1. Đặt vấn đề

Việt Nam sở hữu nền văn hóa tín ngưỡng phong phú và đa dạng với hàng nghìn di tích tôn giáo – tín ngưỡng như chùa, đền, miếu, phủ trải dài khắp các vùng miền. Những năm gần đây, nhiều điểm du lịch tâm linh (DLTL) nổi tiếng như Yên Tử (Quảng Ninh), Bái Đính (Ninh Bình), chùa Hương (Hà Nội), núi Bà Đen (Tây Ninh), v.v... đã thu hút hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế địa phương cũng như nâng cao nhận thức văn hóa cộng đồng. Tuy nhiên, sự gia tăng đột biến lượng du khách đã đặt ra áp lực không nhỏ lên không gian linh thiêng và hệ thống di sản kiến trúc tôn giáo, từ đó phát sinh các mâu thuẫn giữa mục tiêu phát triển du lịch và bảo tồn di sản. Tình trạng quá tải, thương mại hóa không kiểm soát và thiếu sự quản lý nguồn lực hiệu quả có thể làm suy giảm giá trị văn hóa, làm mất đi bản sắc kiến trúc đặc trưng của các di tích.

Vấn đề then chốt đặt ra là làm thế nào để quản lý hiệu quả các nguồn lực kinh tế sinh ra từ DLTL, đồng thời đảm bảo mục tiêu bảo tồn bền vững di sản kiến trúc tôn giáo – một loại hình di sản có giá trị lịch sử, nghệ thuật, tôn giáo và tinh thần sâu sắc. Đây là thách thức lớn không chỉ đối với các cơ quan quản lý nhà nước mà còn với cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong lĩnh vực du lịch và văn hóa. DLTL

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

DLTL là loại hình du lịch đặc thù, trong đó du khách tham gia các hoạt động gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, hành hương và trải nghiệm không gian linh thiêng.

Khác với du lịch đại trà, DLTL đề cao yếu tố nội tâm, cảm xúc và biểu tượng, thường gắn với các công trình kiến trúc tôn giáo như chùa, đền, miếu, nhà thờ. Những công trình này không chỉ là nơi thực hành nghi lễ, mà còn là di sản vật thể phản ánh chiều sâu lịch sử, tư tưởng tôn giáo và bản sắc văn hóa địa phương [1].

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và đô thị hóa nhanh chóng, bảo tồn kiến trúc tôn giáo vượt ra ngoài ý nghĩa lưu giữ giá trị thẩm mỹ hay kỹ thuật, mà còn duy trì mối liên kết văn hóa và xã hội giữa cộng đồng hiện tại với di sản quá khứ. Đây thường là trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nơi tổ chức lễ hội và duy trì truyền thống dân gian. Do đó, bảo tồn cần được xem là một chiến lược văn hóa và phát triển bền vững, không chỉ là phục dựng hình thức. Từ góc độ khoa học hành vi, quyết định lựa chọn điểm đến chịu ảnh hưởng mạnh của yếu tố tâm lý và xã hội; trong DLTL, cảm xúc, tính linh thiêng và giá trị biểu tượng là động lực chính [2]. Du khách hiện đại có xu hướng tìm kiếm “tính chân thực” trải nghiệm nguyên bản, chưa bị thương mại hóa [3]. Điều này đòi hỏi bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo phải chú trọng cả hình thái vật chất lẫn giá trị tinh thần và bối cảnh văn hóa.

Về quản lý, DLTL cần được tích hợp vào chiến lược phát triển kinh tế và văn hóa địa phương, với cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và tổ chức tôn giáo. Mô hình quản lý dựa vào cộng đồng là then chốt để đảm bảo tính bền vững, đồng thời hài hòa lợi ích kinh tế với mục tiêu bảo tồn di sản.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng nhằm phân tích tác động của DLTL đến

công tác bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo dưới góc độ quản lý kinh tế. Cụ thể, nghiên cứu triển khai theo ba hướng chính:

2.2.1. Phân tích tài liệu thứ cấp

Thu thập, tổng hợp và phân tích các nguồn dữ liệu thứ cấp từ Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cùng với các báo cáo phát triển du lịch và quy hoạch bảo tồn kiến trúc tôn giáo tại một số địa phương tiêu biểu.

2.2.2. Phân tích thống kê mô tả

Dữ liệu thực tế về số lượng khách du lịch, doanh thu từ hoạt động DLTL mức đầu tư công vào tu bổ di tích, và chỉ số tăng trưởng kinh tế địa phương được xử lý bằng phần mềm SPSS. Phương pháp thống kê mô tả (descriptive statistics) được áp dụng nhằm xác định trung bình, tỷ lệ, tần suất và biến động của các chỉ số nghiên cứu. Các kết quả được minh họa thông qua biểu đồ cột, biểu đồ tròn và bảng dữ liệu, hỗ trợ trực quan cho việc đánh giá xu hướng và mức độ tác động của phát triển kinh tế đối với bảo tồn kiến trúc tôn giáo.

2.2.3. Nghiên cứu điển hình (case study)

Tiến hành phân tích chuyên sâu tại ba địa phương tiêu biểu gồm Quảng Ninh (chùa Yên Tử), Ninh Bình (chùa Bái Đính) và Hà Nội (chùa Hương), nhằm đánh giá cụ thể mối quan hệ giữa hoạt động DLTL và công tác bảo tồn kiến trúc tôn giáo trong bối cảnh địa phương. Các trường hợp điển hình được lựa chọn dựa trên tiêu chí có lượng khách lớn, di tích quy mô và tác động kinh tế rõ rệt.

2.3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung phân tích tác động của DLTL đến công tác bảo tồn kiến trúc di sản tôn giáo tại Việt Nam, với trọng tâm là các địa điểm như Yên Tử, Bái Đính và chùa Hương. Dữ liệu thứ cấp từ giai đoạn 2019 - 2024 được phân tích theo phương pháp thống kê mô tả và nghiên cứu điển hình. Nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từ góc độ quản lý kinh tế, không đi sâu vào yếu tố tín ngưỡng. Mặc dù có giới hạn vùng miền, kết quả phản ánh rõ các xu hướng và vấn đề tiêu biểu trong bảo tồn di sản tôn giáo.

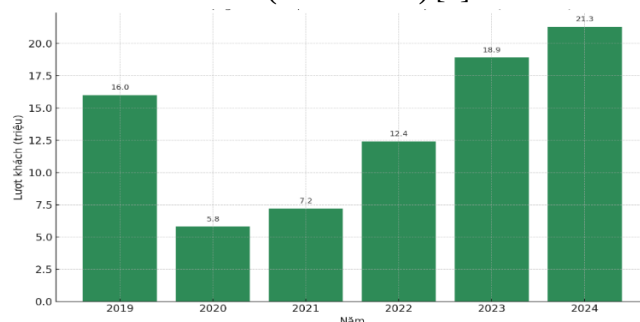
3. Thực trạng phát triển DLTL và bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo tại Việt Nam

3.1. Số lượng du khách và doanh thu

Theo Tổng cục Thống kê (2024), trong những năm gần đây, DLTL tại Việt Nam đã phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau giai đoạn bị gián đoạn do đại dịch COVID-19. Cụ thể, trong quý I năm 2024, nhiều địa phương sở hữu các điểm DLTL nổi bật như Bái Đính (Ninh Bình), chùa Hương (Hà Nội) và Yên Tử (Quảng Ninh) đã ghi nhận mức tăng trưởng cao cả về lượt khách

và doanh thu du lịch. Quảng Ninh đón khoảng 5,4 triệu lượt khách, tăng 8,9 % so với cùng kỳ năm 2023; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 3.200 tỷ đồng, tăng 23,6 % [4].

Biểu đồ 1. Xu hướng lượng khách đến các điểm DLTL (2019 - 2024) [4].



Tính theo chuỗi thời gian 5 năm gần đây, xu hướng phát triển DLTL thể hiện rõ qua sự phục hồi và tăng trưởng liên tục về lượng khách. Năm 2019, tổng lượt khách đến các điểm DLTL ước tính khoảng 16 triệu, giảm mạnh xuống còn 5,8 triệu trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch. Tuy nhiên, từ năm 2022 trở đi, lượng khách tăng nhanh trở lại, đạt mức 21,3 triệu lượt khách vào năm 2024, cao hơn cả thời điểm trước dịch.

3.2. Doanh thu dịch vụ du lịch tại các địa phương tiêu biểu

Theo Tổng cục Thống kê (2024) cho thấy trong quý I năm 2024, doanh thu từ các hoạt động du lịch; đặc biệt là lưu trú, ăn uống và lễ hành tại các địa phương có thể mạnh về DLTL đã ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm 2023.

Tại Hà Nội, tổng doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt khoảng 24.900 tỷ đồng, trong khi doanh thu từ hoạt động lễ hành đạt 6.200 tỷ đồng, với mức tăng trưởng lần lượt là 12,7 % và 47,6 %. Điều này cho thấy Hà Nội không chỉ là trung tâm thu hút khách nội địa mà còn phục hồi mạnh mẽ thị trường khách quốc tế thông qua các tour hành hương, lễ hội tại chùa Hương và các khu di tích lân cận.

Quảng Ninh, với điểm nhấn là khu danh thắng Yên Tử, ghi nhận 3.200 tỷ đồng doanh thu lưu trú và ăn uống cùng 242,6 tỷ đồng từ hoạt động lễ hành. Dù quy mô tổng doanh thu thấp hơn Hà Nội, tỷ lệ tăng trưởng lại ấn tượng với 23,6 % và 18,5 % – cho thấy tiềm năng mở rộng và hiệu quả từ các chương trình kích cầu du lịch kết hợp với bảo tồn không gian văn hóa và tín ngưỡng.

Trong khi đó, tại Ninh Bình nổi bật với quần thể chùa Bái Đính và Tràng An đạt 1.870 tỷ đồng từ dịch vụ lưu trú và ăn uống cùng 48,5 tỷ đồng từ lễ hành, tăng lần lượt 18,0 % và 22,3 %. Dù quy mô doanh thu còn tương đối nhỏ, tốc độ tăng trưởng ổn định cho thấy sự chuyển

mình tích cực của địa phương này trong việc gắn kết phát triển du lịch với gìn giữ di sản văn hóa và tôn giáo.



Chùa Bái Đính Ninh Bình [5].

Nhìn chung, các số liệu cho thấy DLTĐ không chỉ đóng vai trò gìn giữ bản sắc văn hóa và tín ngưỡng, mà còn trở thành động lực kinh tế quan trọng ở các địa phương có thể mạnh di sản kiến trúc tôn giáo. Việc tiếp tục đầu tư có chiến lược và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế là điều kiện cần thiết để tối ưu hóa giá trị từ loại hình du lịch này.

Bảng 1. Tổng hợp doanh thu và tăng trưởng 3 địa phương Quảng Ninh, Ninh Bình và Hà Nội [4].

Địa phương	Doanh thu lưu trú & ăn uống (tỷ đồng)	Doanh thu lễ hành (tỷ đồng)	Tăng trưởng so với Q1/2023 (%)
Quảng Ninh	3.200	242,6	23,6 / 18,5
Hà Nội	24.900	6.200	12,7 / 47,6
Ninh Bình	1.870	48,5	18,0 / 22,3

4. Phân tích tác động kinh tế đến bảo tồn kiến trúc tôn giáo

4.1. Tác động tích cực

➤ *Tăng cường nguồn lực tài chính cho bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo*

Một giải pháp then chốt để bảo tồn lâu dài di tích kiến trúc tôn giáo là huy động và tăng cường nguồn lực tài chính thông qua DLTĐ. Nguồn thu từ vé tham quan, dịch vụ du lịch (gửi xe, ăn uống, lưu trú, hướng dẫn viên) và đặc biệt là đóng góp tự nguyện từ du khách có thể được tái đầu tư cho trùng tu, bảo trì và nâng cấp hạ tầng. Cơ chế quản lý minh bạch, phân bổ hợp lý nguồn thu vào bảo tồn sẽ tạo vòng tuần hoàn tích cực, vừa khai thác kinh tế vừa duy trì giá trị văn hóa và tâm linh. Theo [1], quản trị di sản bền vững cần dựa trên nguyên tắc “người hưởng lợi cũng là người đóng góp”, đảm bảo lợi nhuận du lịch quay lại phục vụ bảo tồn. Ở Việt Nam, các mô hình như chùa Bái Đính (Ninh Bình) hay Yên Tử (Quảng Ninh) đã triển khai liên kết công – tư, nâng

cao hiệu quả tài chính và tính chuyên nghiệp trong bảo tồn gắn với DLTĐ.

➤ *Cải thiện hạ tầng phục vụ phát triển DLTĐ gắn với bảo tồn kiến trúc*

Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại các khu di tích tôn giáo và tín ngưỡng không chỉ cải thiện trải nghiệm du khách mà còn góp phần bảo vệ giá trị vật thể và phi vật thể của di sản. Các yếu tố như giao thông kết nối, chiếu sáng, vệ sinh môi trường, bãi đỗ xe và cơ sở đón tiếp có tác động trực tiếp đến khả năng bảo tồn và mức độ tổn hại tiềm ẩn nếu thiếu quy hoạch hợp lý. Tại Việt Nam, nhiều điểm DLTĐ như chùa Hương (Hà Nội), Yên Tử (Quảng Ninh), Tam Chúc (Hà Nam) đã được đầu tư nâng cấp đường bộ, bãi đỗ xe, cáp treo và hệ thống vệ sinh, giúp phân luồng khách, giảm áp lực lên không gian linh thiêng và hạn chế ô nhiễm, xuống cấp. Từ góc độ quản lý kinh tế, đầu tư hạ tầng DLTĐ cần gắn với quy hoạch phát triển bền vững, huy động nguồn lực xã hội hóa và hợp tác công – tư (PPP) để giảm gánh nặng ngân sách và nâng cao hiệu quả vận hành.

➤ *Nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo*

Một trụ cột của phát triển du lịch lễ hội DLTĐ bền vững gắn với bảo tồn kiến trúc tôn giáo là nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng địa phương. Là chủ thể sinh sống quanh di tích, người dân có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến di sản. Khi được trang bị kiến thức và khuyến khích tham gia, họ không chỉ tuân thủ quy định bảo vệ mà còn trở thành lực lượng đồng hành trong gìn giữ giá trị văn hóa – tâm linh. Các hình thức như giáo dục cộng đồng, truyền thông văn hóa và tham gia hoạt động du lịch cho thấy hiệu quả rõ rệt tại Tràng An - Bái Đính (Ninh Bình) hay Yên Tử (Quảng Ninh), nơi người dân chủ động bảo vệ cảnh quan và hạ tầng di sản. Theo mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, phân phối lợi ích công bằng và cơ chế tham gia thực chất là điều kiện then chốt để giảm gánh nặng ngân sách, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế trong bảo tồn.

4.2. Tác động tiêu cực

➤ *Tác động tiêu cực đến không gian kiến trúc tôn giáo từ phát triển du lịch quy mô lớn*

Mặc dù DLTĐ mang lại nguồn lực kinh tế và cơ hội bảo tồn di tích tôn giáo, song nếu thiếu quy hoạch và kiểm soát, hoạt động này có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến không gian văn hóa và kiến trúc linh thiêng. Tình trạng xây dựng công trình quy mô lớn, không đồng bộ về phong cách, vượt quá ngưỡng cảnh không gian tôn giáo bản địa đã phá vỡ cảnh quan truyền thống, làm suy giảm giá trị văn hóa và lịch sử của di sản. Đây là thách thức phổ biến ở nhiều quốc gia khi thương mại hóa không gian

linh thiêng diễn ra nhanh nhưng thiếu giám sát quy hoạch. Từ góc độ quản lý kinh tế, đầu tư hạ tầng và kiến trúc cần tuân thủ quy hoạch bài bản, có sự tham vấn của chuyên gia di sản, kiến trúc sư và cộng đồng địa phương. Công trình phục vụ du lịch phải bảo tồn kiến trúc gốc, không lấn chiếm không gian thiêng và đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững [1].

➤ *Thương mại hóa và quá tải – Thách thức đối với tính linh thiêng và giá trị di sản*

Một hệ quả đáng lo ngại của sự phát triển DLTL nhanh chóng nhưng thiếu kiểm soát là thương mại hóa không gian di sản tôn giáo, làm suy giảm tính linh thiêng và giá trị biểu tượng của công trình kiến trúc. Khi mục tiêu lợi nhuận lấn át bảo tồn, không gian hành hương và chiêm bái bị thay thế bởi hoạt động buôn bán, quảng cáo, dịch vụ ồn ào, nhất là trong mùa lễ hội. Thực trạng tại chùa Hương (Hà Nội) hay chùa Bái Đính (Ninh Bình) cho thấy, mật độ khách quá cao cùng hoạt động buôn bán tự phát gây quá tải hạ tầng, xả rác, mất trật tự và xâm phạm không gian thiêng. Điều này làm giảm trải nghiệm du khách và tác động tiêu cực đến giá trị tâm linh, thẩm mỹ, bản sắc văn hóa. Từ góc độ quản lý kinh tế, cần quy hoạch vùng đệm dịch vụ, phân định chức năng không gian hợp lý và giới hạn công suất phục vụ để cân bằng khai thác và bảo tồn.

➤ *Thiếu cơ chế tài đầu tư hiệu quả cho công tác bảo tồn di sản*

Mặc dù DLTL tạo nguồn thu đáng kể từ vé tham quan, dịch vụ ăn uống, lưu trú và các hoạt động kinh doanh phụ trợ, song tại nhiều địa phương, việc phân bổ và tái đầu tư cho bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo vẫn chưa tương xứng. Cơ chế minh bạch còn thiếu, quy định phân chia lợi ích giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng chưa rõ ràng, khiến nguồn lực từ du lịch chưa được sử dụng hiệu quả cho tu bổ di tích. Thực tế tại chùa Keo (Thái Bình) hay đình Tây Đằng (Hà Nội) cho thấy, dù lượng khách ổn định, cơ sở vật chất vẫn xuống cấp do thiếu ngân sách bảo trì. Từ góc độ quản lý kinh tế, cần thiết lập quỹ bảo tồn di tích địa phương, áp dụng cơ chế điều tiết tài chính bắt buộc từ nguồn thu du lịch và thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư (Public Private Partnership - PPP), nhằm đảm bảo nguồn lực tái đầu tư đúng mục tiêu, bền vững và củng cố niềm tin cộng đồng [1].

5. Đề xuất chính sách quản lý kinh tế trong bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo

5.1. Thiết lập cơ chế tài chính minh bạch trong quản lý DLTL

➤ *Nhu cầu xây dựng cơ chế tài chính minh bạch*

Trong bối cảnh phát triển DLTL, nhiều địa phương tại Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc trích lập và sử dụng nguồn thu từ hoạt động này. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu kinh phí để duy trì, tu bổ và nâng cấp các di sản kiến trúc tôn giáo. Việc thiết lập cơ chế tài chính minh bạch là điều kiện tiên quyết để bảo đảm nguồn lực từ du lịch được sử dụng hiệu quả và đúng mục đích.

➤ *Đề xuất mô hình phân bổ tài chính hợp lý*

Một giải pháp khả thi là quy định tỷ lệ trích lập tối thiểu từ tổng doanh thu du lịch tại các di tích vào Quỹ bảo tồn di sản cấp tỉnh hoặc cấp huyện. Mô hình này đã được nhiều quốc gia áp dụng trong chiến lược phát triển du lịch văn hóa bền vững, được UNESCO khuyến nghị từ năm 2016.

➤ *Yêu cầu công khai hóa tài chính và nâng cao trách nhiệm giải trình*

Cơ chế tài chính minh bạch không chỉ dừng lại ở việc xác định tỷ lệ trích lập, mà còn bao gồm việc công khai hóa các khoản thu - chi liên quan đến hoạt động du lịch tại di tích. Điều này có thể thực hiện qua cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương. Minh bạch tài chính giúp tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý, đồng thời tạo dựng niềm tin cho cộng đồng và doanh nghiệp – hai chủ thể then chốt trong mô hình hợp tác PPP trong bảo tồn di sản.

5.2. Quy hoạch Không gian và Kiến trúc trong bảo tồn di sản tôn giáo

➤ *Tầm quan trọng của quy hoạch trong bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo*

Quy hoạch không gian và kiến trúc đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ di sản kiến trúc tôn giáo trước sức ép ngày càng gia tăng từ phát triển du lịch. Việc thiếu các quy định chặt chẽ đã dẫn đến tình trạng xây dựng mới tràn lan, làm suy giảm cảnh quan tổng thể và ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị tâm linh của các di tích [6].

➤ *Cần thiết của đánh giá tác động văn hóa*

Đề ứng phó với nguy cơ mất cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, cần triển khai công cụ đánh giá tác động văn hóa (*Heritage Impact Assessment* - HIA) trước khi phê duyệt bất kỳ dự án nào trong khu vực lõi và vùng đệm của di tích. Công cụ này giúp sớm nhận diện các rủi ro ảnh hưởng đến không gian linh thiêng và bản sắc cộng đồng, từ đó đưa ra giải pháp giảm thiểu phù hợp [1].

➤ *Áp dụng nguyên tắc thiết kế phù hợp với kiến trúc truyền thống*

Các công trình mới cần tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc thiết kế hài hòa với di sản kiến trúc hiện hữu. Điều này bao gồm việc lựa chọn quy mô, vật liệu và

hình thức kiến trúc tương thích với không gian văn hóa và tâm linh bản địa. Việc tôn trọng yếu tố truyền thống không chỉ bảo vệ cảnh quan mà còn góp phần gìn giữ ký ức cộng đồng và tính liên tục văn hóa.

➤ Phân vùng chức năng và giới hạn thương mại hóa

Từ góc độ kinh tế, việc quy hoạch không gian cần đi kèm với chiến lược phân vùng rõ ràng: phân biệt khu vực hành hương, lễ nghi với khu vực phục vụ du lịch và thương mại. Cần hạn chế các hoạt động mang tính thương mại trong không gian linh thiêng nhằm duy trì tính thiêng liêng và giá trị văn hóa lâu dài của di tích [7].

5.3. Mô hình PPP kết hợp cộng đồng (PPP-C)

Bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo gắn với phát triển DLTL bền vững đòi hỏi một cơ chế quản trị đa tác nhân, trong đó nhà nước, khu vực tư nhân và cộng đồng – đặc biệt là các tổ chức tôn giáo – cùng tham gia với vai trò tương hỗ. Mô hình đối tác công - tư kết hợp với sự tham gia của cộng đồng (*Public-Private - Community Partnership* PPP-C) nổi lên như một giải pháp hiệu quả, đảm bảo vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, vừa gìn giữ giá trị văn hóa - tâm linh cốt lõi (Hình 1).

Thứ nhất, nhà nước cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng, tạo điều kiện về chính sách (miễn giảm thuế, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ thủ tục) và giám sát minh bạch nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.

Thứ hai, khu vực tư nhân, đặc biệt doanh nghiệp du lịch – dịch vụ, nên được khuyến khích đầu tư tu bổ, phục dựng và phát triển hạ tầng gắn với di sản, đổi lại được hưởng lợi nhuận và giá trị thương hiệu.

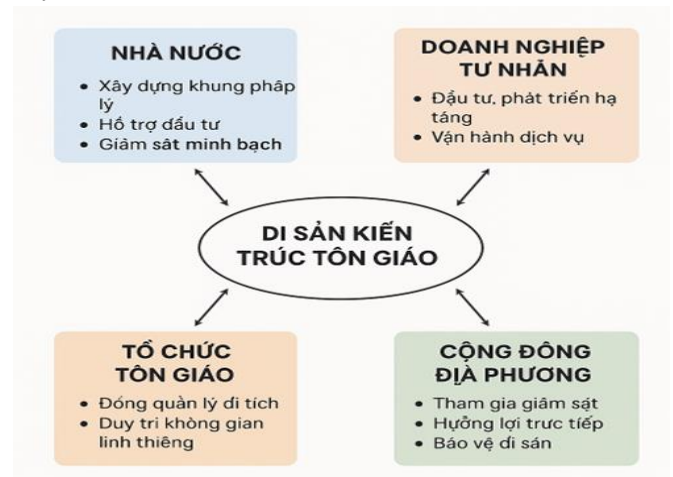
Thứ ba, các tổ chức tôn giáo cần được công nhận là đối tác đồng quản lý, vừa bảo vệ không gian linh thiêng, vừa truyền tải giá trị đạo đức – mỹ học.

Thứ tư, cộng đồng địa phương, với vai trò thụ hưởng và giám sát, cần được trao quyền tham gia thiết kế chính sách, chia sẻ doanh thu và cơ hội kinh doanh, như bài học hợp tác ba bên tại di sản Wat Pho (Thái Lan) cho thấy hiệu quả rõ rệt [8].

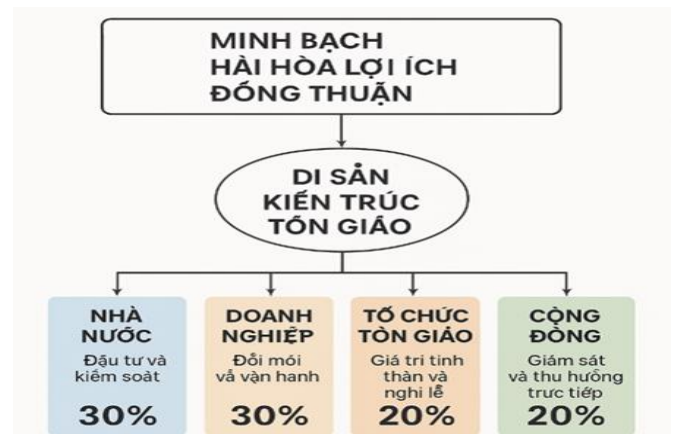
Mô hình hợp tác công - tư kết hợp cộng đồng (PPP - C) trong bảo tồn di sản kiến trúc tôn giáo cần được thiết kế minh bạch, hài hòa và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Tỷ lệ này phản ánh nguyên tắc: (1) nhà nước giữ vai trò định hướng và giám sát, không thể đầu tư ít hơn doanh nghiệp; (2) Doanh nghiệp đảm nhận đổi mới, vận hành và khai thác kinh tế; (3) Tổ chức tôn giáo và cộng đồng địa phương có mức đóng góp không quá nhỏ, nhằm đảm bảo vai trò sở hữu văn hóa, giám sát và hưởng lợi trực tiếp, từ đó tăng tính gắn kết, bảo tồn di sản kiến trúc bền vững.

Mô hình chia sẻ lợi ích đề xuất ở Hình 2 này không chỉ góp phần bảo tồn hiệu quả di sản kiến trúc tôn giáo, mà còn tạo động lực cho phát triển kinh tế DLTL trong bối cảnh chuyển đổi văn hóa và xã hội hiện nay.

Tạm kết, tổng thể, mô hình PPP – C kết hợp cộng đồng cần được thiết kế theo hướng minh bạch, hài hòa lợi ích và đồng thuận về mục tiêu lâu dài. Cơ chế chia sẻ lợi ích phải được quy định rõ bằng văn bản pháp lý, với tỷ lệ phân phối tài chính phù hợp giữa nhà nước (đầu tư và kiểm soát), doanh nghiệp (đổi mới và vận hành), tổ chức tôn giáo (giá trị tinh thần và nghi lễ), và cộng đồng (giám sát và thụ hưởng trực tiếp). Mô hình này không chỉ góp phần bảo tồn hiệu quả di sản kiến trúc tôn giáo, mà còn tạo động lực kinh tế bền vững từ phát triển DLTL trong bối cảnh chuyển đổi văn hóa và xã hội hiện nay.



Hình 1: Mô hình PPP-C



Hình 2: Cơ chế chia sẻ lợi ích được đề xuất theo tỷ lệ 3-3-2-2

6. Kết luận

DLTL đóng vai trò quan trọng như một động lực kinh tế thúc đẩy phát triển vùng và phục hồi các di sản kiến trúc tôn giáo tại Việt Nam. Các di tích không chỉ thu hút lượng lớn khách du lịch mà còn góp phần duy trì và tái hiện giá trị văn hóa, lịch sử, tôn giáo đặc sắc. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững của DLTL, cần xây dựng và thực thi các chiến lược quản lý kinh tế hiệu

quả, nhằm cân bằng giữa tăng trưởng du lịch và bảo tồn di sản.

Ba yếu tố then chốt cần được ưu tiên bao gồm: (1) cơ chế tài chính minh bạch với quy định trích lập nguồn lực bảo tồn rõ ràng và công khai hóa thu - chi; (2) quy hoạch không gian và kiến trúc hợp lý, đảm bảo hài hòa với cảnh quan và giá trị truyền thống; và (3) sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương và các tổ chức tôn giáo, cũng như sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và doanh nghiệp qua mô hình PPP-C.

Việc phối hợp đồng bộ các yếu tố này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển DLTL, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và di sản kiến trúc tôn giáo quý giá của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. UNESCO. (2016). Culture: Urban future – Global report on culture for sustainable urban development. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000245999>
2. Kotler, P., & Keller, K. L. (2016). *Marketing Management (15th)*. Pearson
3. MacCannell, D. (1973). Staged Authenticity: Arrangements of Social Space in Tourist Settings. *American Journal of Sociology*, 79, 589-603. <http://dx.doi.org/10.1086/225585>
4. Tổng cục Thống kê. (2024). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và lữ hành tăng cao trong quý I/2024. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/04/doanh-thu-dich-vu-luu-tru-an-uong-va-lu-hanh-tang-cao-trong-quy-i-2024/>
5. Hoabinh Tourist. (2025). Lễ hội Chùa Bái Đính – Nét đẹp văn hóa của Ninh Bình. <https://hoabinhtourist.com/cam-nang-du-lich/le-hoi-chua-bai-dinh>
6. ICOMOS. (2011). Guidance on Heritage Impact Assessments for Cultural World Heritage Properties. <https://openarchive.icomos.org/id/eprint/100/>
7. Pendlebury, J. (2013). *International Journal of Heritage Studies*, 19(7), 709-727. <https://doi.org/10.1080/13527258.2012.700282>
8. UNESCO. (2019). Creative Cities Network (Bangkok). <https://www.unesco.org/en/creative-cities/bangkok#:~:text=The%20city%20is%20not%20only,and%20to%20encourage%20citizen%20engagement>.

Economic management in the development of spiritual tourism associated with the preservation of religious architectural heritage

Nguyen Thanh Hai

Vietnam Buddhist Research Institute

Email: nhai35203@gmail.com

Abstract This paper analyzes the relationship between the development of spiritual tourism and the preservation of religious architectural heritage in Viet Nam from an economic management perspective. Through a mixed-method approach combining qualitative analysis and quantitative data, including statistics from the General Statistics Office and practical reports, the study finds that spiritual tourism generates significant resources for heritage preservation. However, it also poses challenges related to spatial planning, commercialization of heritage, and overloaded infrastructure. The paper proposes economic management solutions to balance tourism development goals with the preservation of religious architectural heritage within the context of the creative economy.

Keywords spiritual tourism, religious architectural heritage, preservation, economic management, sustainable development.



Lời cảm ơn: Tác giả xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện bài báo. Tác giả cũng trân trọng cảm ơn Ban Tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia 2025 “Khai thác giá trị văn hóa trong phát triển sản phẩm du lịch đặc thù” đã cung cấp diễn đàn học thuật để trao đổi, chia sẻ và tiếp nhận các ý kiến đóng góp quý báu từ các nhà khoa học, chuyên gia và đồng nghiệp. Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến các chuyên gia phản biện và Hội đồng biên tập Tạp chí Khoa học & Công nghệ – Đại học Nguyễn Tất Thành vì những nhận xét, góp ý khoa học, giúp hoàn thiện chất lượng học thuật của bài viết. Bên cạnh đó, tác giả cũng cảm ơn sự hỗ trợ từ các cơ quan, đơn vị và cá nhân đã cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu.